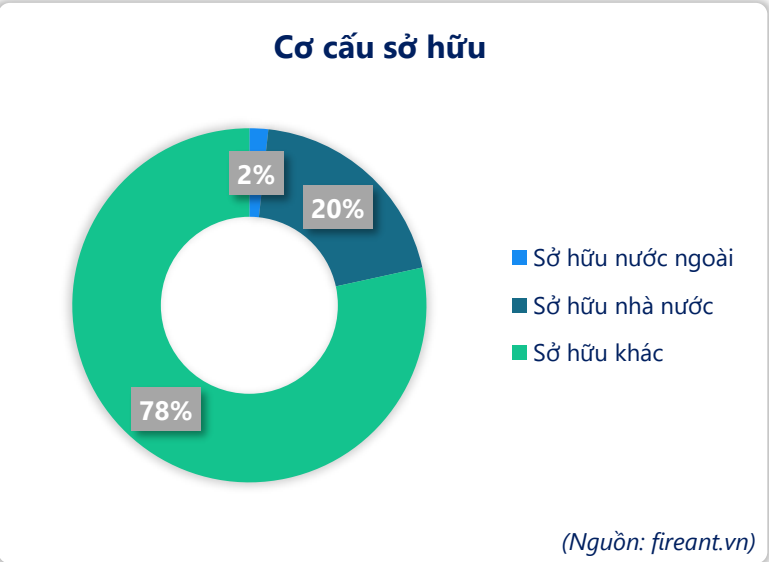
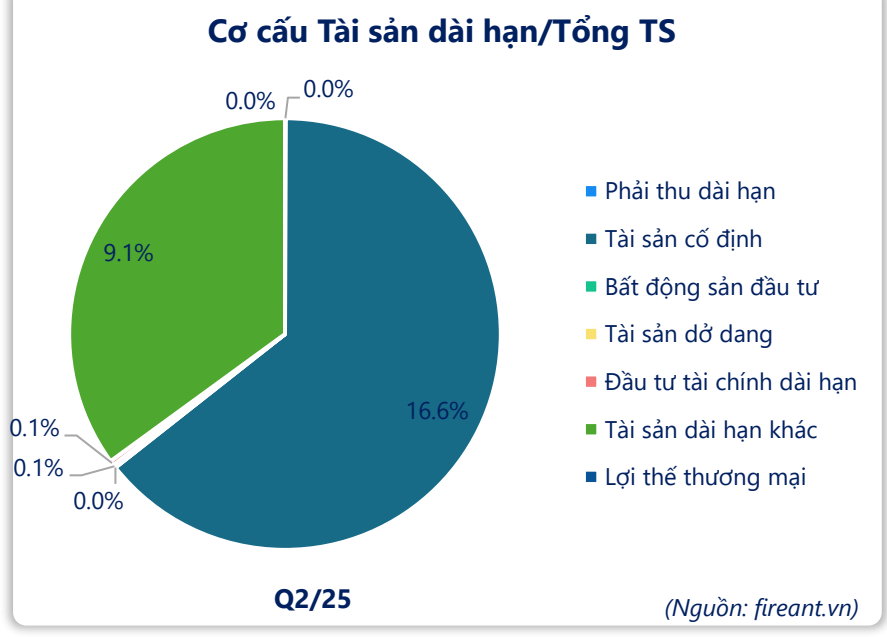
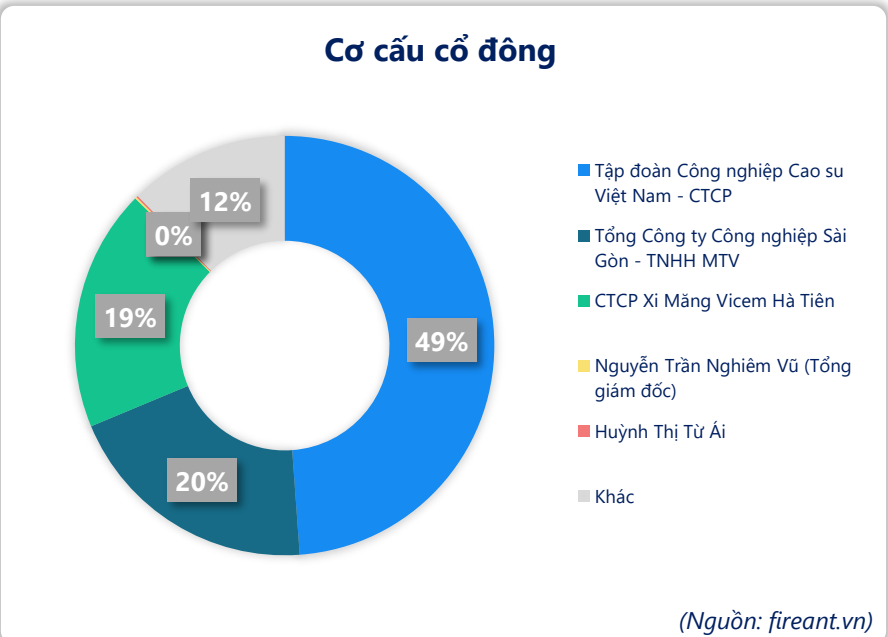
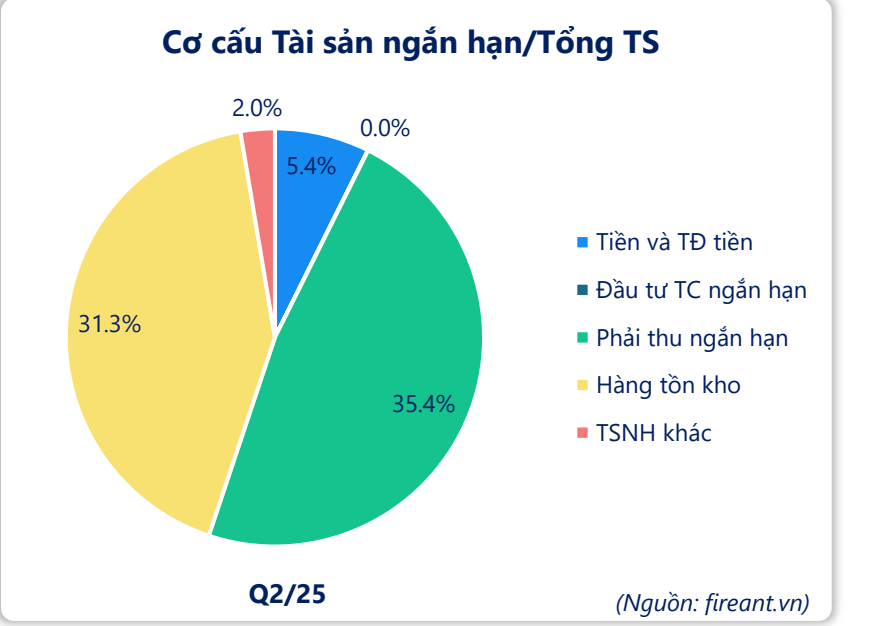
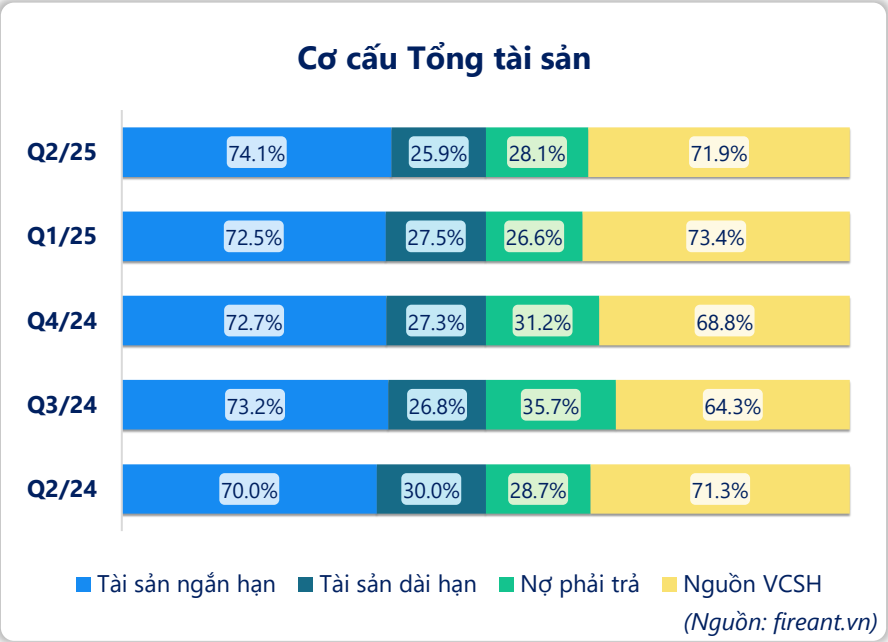


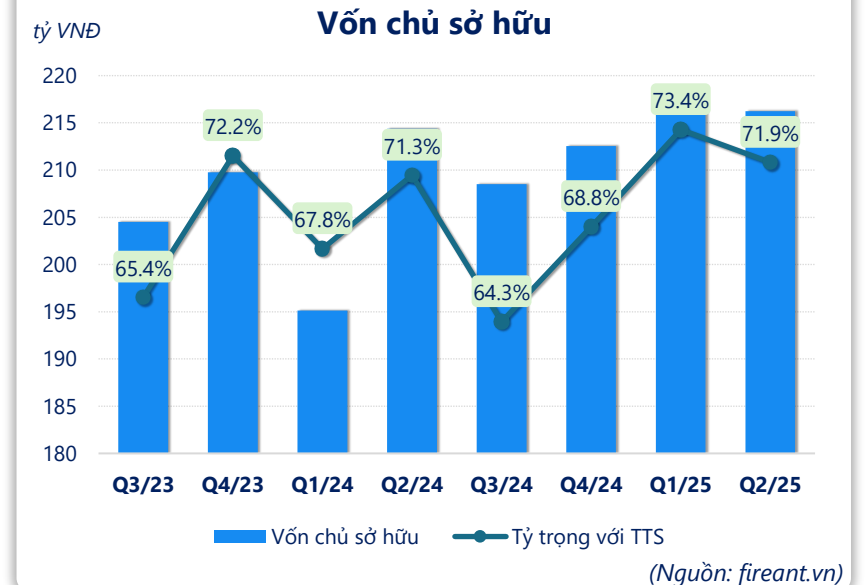
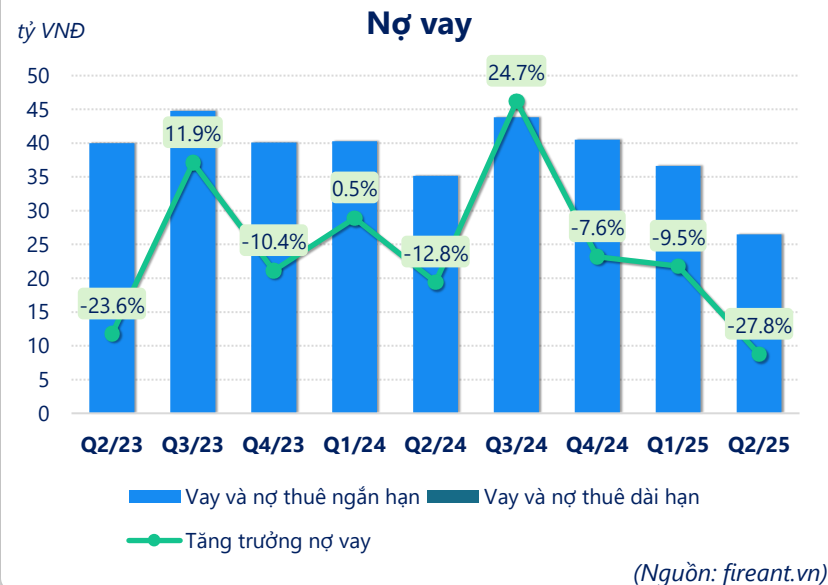
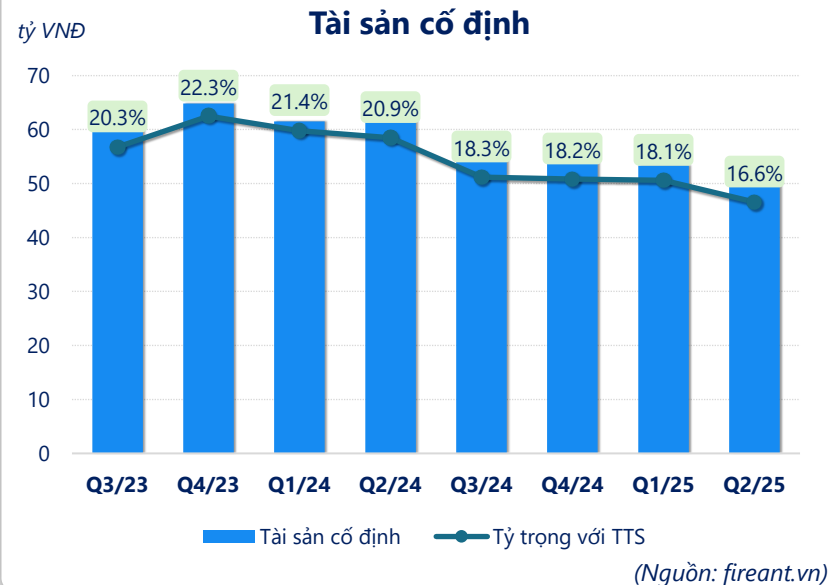
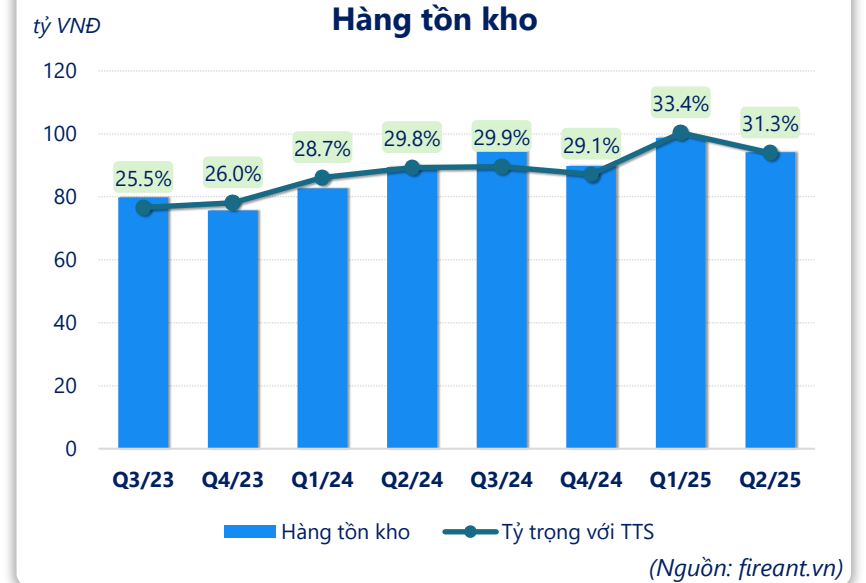
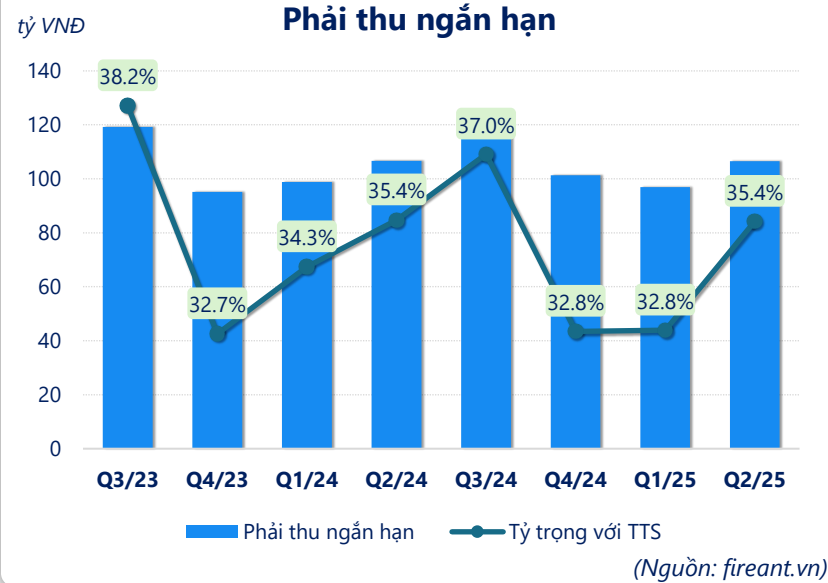
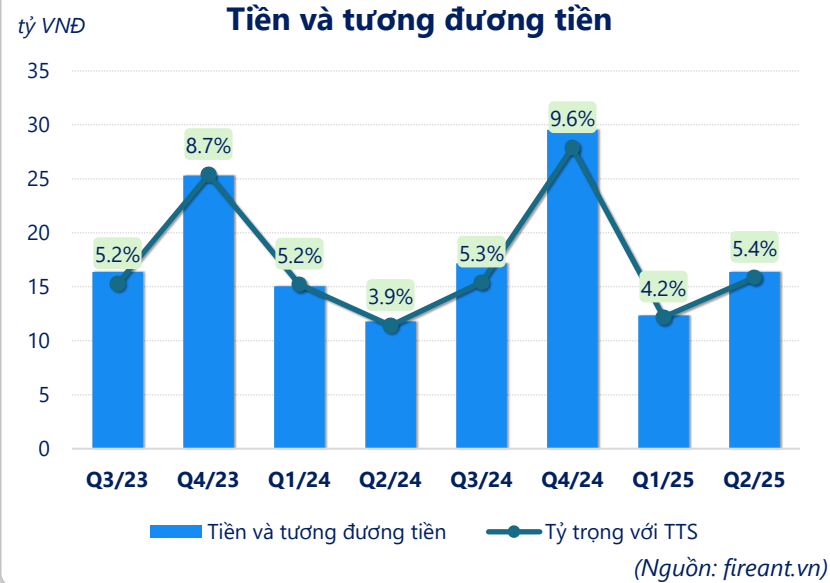
Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,638
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,974
SL cổ phiếu LH		12,374,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)		22,560
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		175
P/E		7.8
EPS		1,807

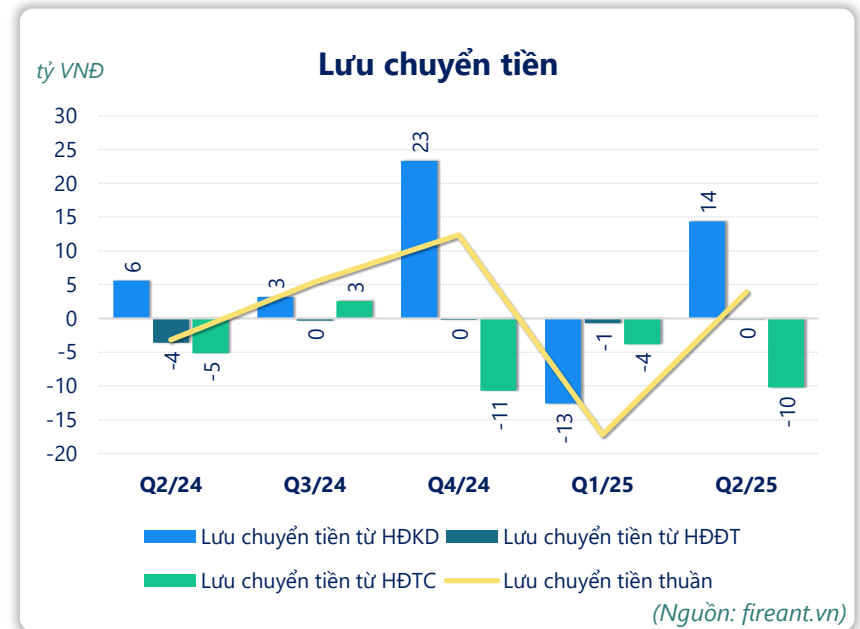
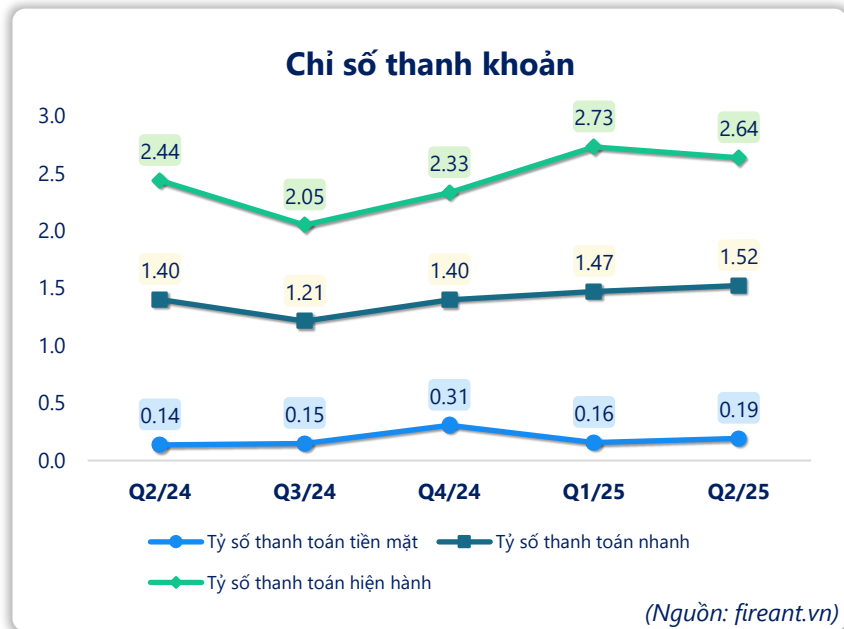
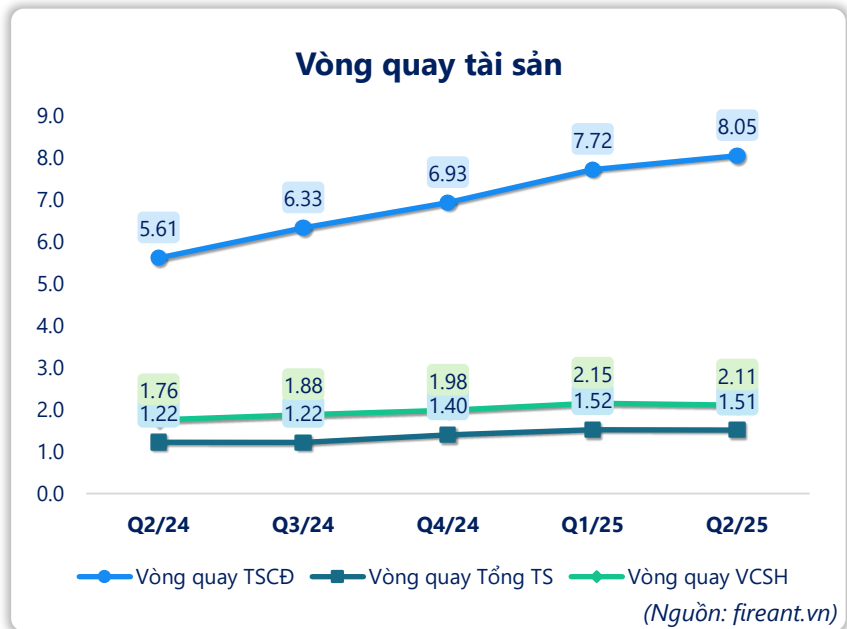
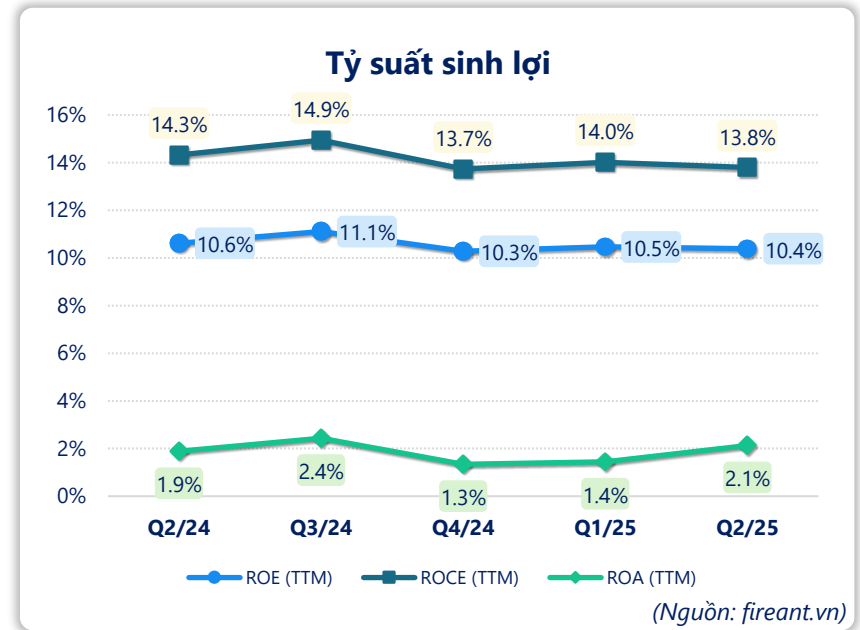
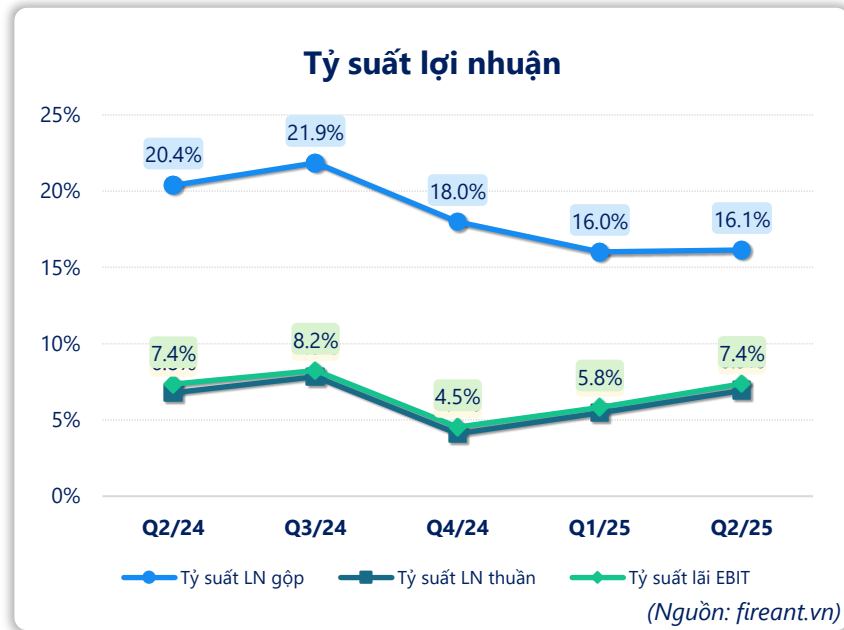
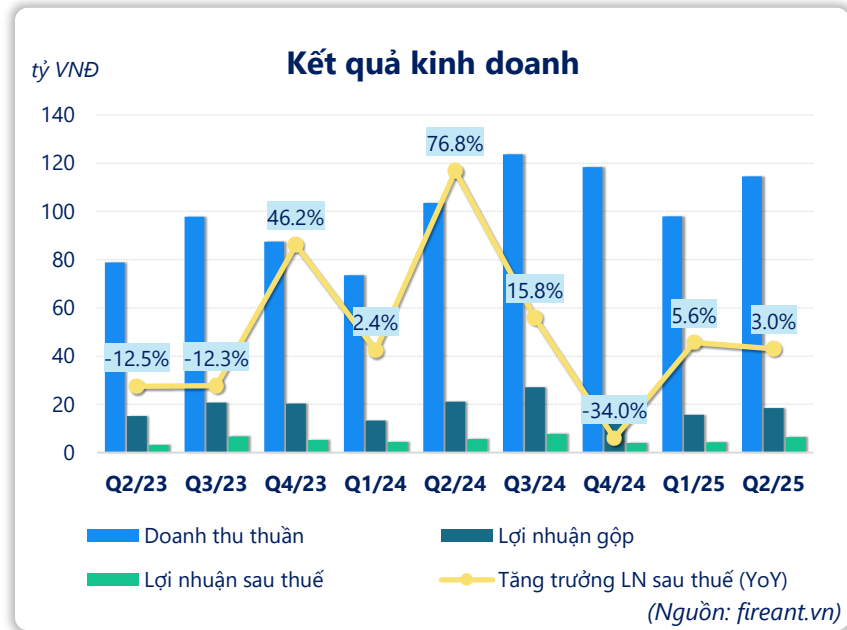
	YTD	1T	3T	6T
BRC	6.6%	8.5%	7.7%	7.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%



CTCP Cao su Bến Thành (HSX: BRC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	301	309	-2.6%
Tài sản ngắn hạn	223	225	-0.7%
Tiền và tương đương tiền	16.4	29.5	-44.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.06	0.33	-83.1%
Phải thu ngắn hạn	107	101	5.3%
Hàng tồn kho	94.2	89.9	4.7%
Tài sản ngắn hạn khác	5.90	3.62	62.8%
Tài sản dài hạn	77.8	84.5	-7.9%
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản cố định	50.0	56.1	-10.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.19	0.13	46.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.27	0	
Tài sản dài hạn khác	27.3	28.2	-3.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	84.7	96.5	-12.3%
Nợ ngắn hạn	84.7	96.5	-12.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.5	40.5	-34.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	35.1	36.5	-3.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	216	213	1.7%
Vốn chủ sở hữu	216	213	1.7%
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	103	124	118	97.9	114
Giá vốn hàng bán	82.4	96.7	97.0	82.2	96.0
Lợi nhuận gộp	21.1	27.0	21.3	15.7	18.5
Doanh thu HĐTC	0.74	0.52	0.95	0.59	1.06
Chi phí TC	0.73	0.68	0.62	0.48	0.54
Chi phí lãi vay	0.58	0.51	0.53	0.35	0.54
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.7	10.8	12.6	7.03	9.60
Chi phí QLDN	2.38	6.35	4.19	3.42	1.47
LN thuần từ HĐKD	7.03	9.70	4.85	5.36	7.93
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	-0.01	0.00	-0.04
LN trước thuế	7.03	9.69	4.83	5.36	7.90
Lợi nhuận sau thuế	5.57	7.75	4.02	4.20	6.39
LNST của CĐ cty mẹ	5.57	7.75	4.02	4.20	6.39

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.61	3.17	23.3	-12.6	14.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.61	-0.32	-0.22	-0.72	-0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.18	2.55	-10.7	-3.85	-10.2
Tiền đầu kỳ	15.0	11.8	17.2	29.5	12.3
Lưu chuyển tiền thuần	-3.18	5.40	12.4	-17.2	3.94
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.10	0.00	0	0	0.08
Tiền cuối kỳ	11.8	17.2	29.5	12.3	16.4

(Nguồn: fireant.vn)